

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

Án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26/8/2020
V/v “*Tranh chấp Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Đức Phú và ông Ngô Quốc Vũ.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa:* bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: anh Vũ Đức C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

* Bị đơn: chị Bùi Thị X, sinh năm 1986; ĐKNKTT: Tổ dân phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở: Đội 7, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Vũ Đức C trình bày: Anh và chị X đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D (nay là UBND phường D, thị xã D), tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi cưới vợ chồng anh chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung với nhau. Việc xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được bạn bè, người thân hai bên khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn tồn tại. Vợ chồng sống ly thân từ 27/ 02 /2018 (Âm lịch) đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống không mang lại hạnh phúc anh làm đơn xin ly hôn chị X.

Bị đơn chị Bùi Thị X trình bày: Chị thừa nhận về điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn giữa hai người như anh C đã trình bày. Về mâu thuẫn của vợ chồng, chị cho rằng: Sau ngày cưới vợ chồng chị chung sống tại gia đình anh C.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau, thậm chí xảy ra xô xát, đánh chửi nhau. Anh C thẳng tay đánh đập chị. Tình trạng mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ 27/02/2018 (Âm lịch) đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh C xin ly hôn, chị thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C, chị X cùng xác nhận vợ chồng chưa có con chung, không có con nuôi, nên cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị X có quan điểm: Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Riêng về công sức: Chị cho rằng trong thời gian 08 tháng chị về chung sống với anh C chị đã chăm sóc bố chồng ốm đau trong thời gian 06 tháng nên chị đề nghị anh C phải thanh toán theo mức lương của người giúp việc là 6.000.000đ/tháng, bằng 36.000.000đ. Ngoài ra chị không có tài liệu nào chứng minh cho yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa anh C giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở trên và không chấp nhận thanh toán công sức như yêu cầu chị X đã đưa ra. Ngoài ra các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình và không xuất trình tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đúng luật định. Bị đơn cũng đã thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của mình như được nhận thông báo về việc giải quyết vụ án, các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án và viết bản tự khai. Tuy nhiên không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do; ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 55 Luật HN&GD; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đức C và chị Bùi Thị X; về con chung, tài sản chung, công nợ của vợ chồng: Không đặt ra xem xét; về công sức: Không xem xét yêu cầu của chị X.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vũ Đức C và chị Bùi Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã D, huyện D (nay là UBND phường D, thị xã D), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn ngày 13/10/2017 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

[2] *Về tình cảm vợ chồng*: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đều đã thừa nhận, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng nhiều lần xảy ra việc cãi vã, xô xát và sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa anh C giữ nguyên quan điểm ly hôn và được chị X đồng ý.

Xét sự thuận tình ly hôn của các bên là tự nguyện. Vì vậy, HĐXX cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị X là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật HN&GD.

[3] *Về con chung, con nuôi, con riêng*: Các đương sự xác nhận không có, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung, công nợ*: Cả anh C, chị X không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về yêu cầu công sức của chị X đối với anh C*: Chị X cho rằng: Sau khi được Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên thông về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa anh C và chị, chị X đã có bản tự khai đề ngày 02/7/2020 thể hiện quan điểm của mình. Theo đó, về công sức chị X yêu cầu anh C có trách nhiệm thanh toán cho chị công sức chăm sóc chồng trong thời gian chị về chung sống với anh theo mức lương thuê người giúp việc là 6.000.000đ/tháng. Sở dĩ chị có yêu cầu phần công sức này là do anh C nói với chị nếu chị đòi hỏi công sức anh C sẽ thanh toán cho chị theo mức lương người giúp việc. Tại phiên tòa, chị X xác nhận ngoài yêu cầu công sức như trên, chị không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho quan điểm của mình với Tòa án, mà chỉ căn cứ vào lời nói của anh C trước khi anh viết đơn ly hôn với chị.

Ngày 02/7/2020 và ngày 13/7/2020, Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên đã ban hành văn bản Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 91, 92/TB-TA gửi các đương sự để thông báo cho anh C, chị X thời gian buổi chiều ngày 06/7/2020 và chiều ngày 16/7/2020 có mặt tại Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cả hai lần Tòa án tổ chức phiên họp nêu trên, chỉ có anh C có mặt, chị X vắng mặt không lý do.

Ngày 07/7/2020, Tòa án ban hành Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Đồng thời ban hành Thông báo về việc cung cấp, bổ sung tài liệu chứng cứ số 05/TB-TA gửi chị Bùi Thị X và yêu cầu trong thời hạn 10 ngày chị X phải làm đơn nêu rõ yêu cầu, cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình và phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật để Tòa án xem xét thụ lý yêu cầu phản tố của chị X nếu có. Ngày 13/7/2020, chị X có đơn đề nghị gửi Tòa án nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật và được coi là từ bỏ yêu cầu phản tố. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX không xem xét yêu cầu về công sức của chị X với anh C trong vụ án này. Sau

này, nếu chị X xuất trình được tài liệu chứng cứ và có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đức C và chị Bùi Thị X.

2. *Về con chung, con nuôi, con riêng*: Không có.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4. *Về công sức*: Không xem xét yêu cầu về công sức của chị Bùi Thị X đối với anh Vũ Đức C. Trường hợp chị X có yêu cầu sẽ được xem xét bằng vụ kiện dân sự khác.

5. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: anh C, chị X mỗi người phải chịu: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên theo biên lai số 0003264 ngày 01/7/2020. Anh Vũ Đức C được trả lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND Duy Tiên.
- THADS Duy Tiên.
- UBND phường Duy Minh;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

